

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN KHTN 6, NĂM HỌC 2024-2025

I. PHƯƠNG ÁN DẠY HỌC:

TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
LÍ	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1OT
HÓA	0	0	0	0	0	0	0	0	1KT	1	1	1	1	1	1	1	1OT	1KT
SINH	2	2	2	2	2	2	2	2	1D, 1KT	2	2	2	2	2	2	2	2	1OT, 1KT

II. MA TRẬN

- Thời điểm kiểm tra: *Tuần 9*

- Thời gian làm bài: *90 phút.*

- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng*

- Phần trắc nghiệm: *4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm)*

+ *Lí: Nhận biết: 8 câu*

+ *Sinh: Nhận biết: 4 câu; thông hiểu: 2 câu; Vận dụng: 2 câu*

- Phần tự luận: *6,0 điểm*

+ *Sinh: Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 1 điểm*

+ *Lí: Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 1,5 điểm*

Chủ đề	MỨC ĐỘ						Tổng số ý/ số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1. giới thiệu về KHTN, an toàn trong phòng thực hành		1		2				3	0,75
2. Sử dụng, bảo quản kính lúp, kính hiển vi	1						1		1,0
3. tế bào – đơn vị cơ bản của sự sống		2						2	0,5
4. cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào			1		1		2		2,0
5. sự lớn lên và sinh sản của tế bào		1				1		2	0,5
6. TH: Quan sát tế bào						1		1	0,25
6. Các phép đo		6	1				1	6	3,0
7. Lực		2			1		1	2	2,0
Số câu	1 câu	12 câu	2 câu	2câu	2câu	2 câu	5 câu	16 câu	10đ
Điểm số	1đ	3đ	2,5đ	0,5đ	2,5đ	0,5	6đ	4đ	10đ
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		3,0 điểm		10 điểm		10 điểm

III. BẢNG ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi (ý)		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
1. Mở đầu - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên - Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
	Thông hiểu	– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.		1		C1
	Nhận biết	– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). – Biết cách sử dụng, cách bảo quản kính lúp và kính hiển vi quang học. – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.	1	1	C19	C5
	Thông hiểu	– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.		1		C3
2. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự	Nhận biết:	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.		3		C6, C7, C8

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi (ý)		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
sống: - Khái niệm tế bào. - Hình dạng và kích thước của tế bào. - Cấu tạo và chức năng của tế bào. - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống.		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.				
	Thông hiểu:	- Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.	1		C17	
	Vận dụng:	- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. - Tính được số lượng TB con tạo ra sau các lần phân chia - Giải thích được vì sao khi rễ đông rau củ lại bị dập nát còn thịt vẫn bình thường.	1	1 1	C18	C4 C2
3. Các phép đo						
Đo chiều dài	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.		2		C9; C10

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi (ý)		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Trình bày được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.				
Đo khối lượng	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.		1		C11
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.	½		C20 a	
Đo thời gian	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.		1		C12
Đo nhiệt độ	Nhận biết	- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.		2		C13; C14
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.	1/2		C20 b	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi (ý)		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
4. Lực						
Lực là gì?	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được sự đẩy, kéo của vật này lên vật khác là lực. - Nhận biết được lực có tác dụng làm thay đổi chuyển động, biến dạng vật. - Nhận biết được có hai loại lực: lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. 		1		C15
Biểu diễn lực	Nhận biết	- Nhận biết được đặc điểm do tác dụng của lực		1		C16
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực bằng một mũi tên theo hướng của lực và mô tả được các đặc trưng của một lực dựa trên mũi tên biểu diễn lực này.	1		C21	

IV. ĐỀ KIỂM TRA

MD01

A. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Hãy chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất và ghi vào bảng điền kết quả ở phần bài làm.

Câu 1: Vật nào sau đây là vật sống?

- A. Con robot. B. Con gà. C. Lo hoa. D. Mặt trời.

Câu 2: Một loại tế bào cứ sau 6 giờ sẽ phân chia một lần. Ban đầu có 2 tế bào. Hỏi sau 1 ngày (24 giờ), số tế bào con tạo ra là bao nhiêu?

- A. 32 tế bào con. B. 64 tế bào con. C. 128 tế bào con. D. 12 tế bào con.

Câu 3: Biển báo dưới đây cho ta biết điều gì?



- A. Phải đeo găng tay thường xuyên. B. Chất ăn mòn.
C. Chất độc. D. Nhiệt độ cao.

Câu 4: Những thiết bị, dụng cụ nào cần thiết cho việc làm tiêu bản và quan sát tế bào biểu bì hành tây và tế bào trứng cá?

- A. Thuốc nhuộm, dao nhọn, kính lúp.
B. Dao nhọn, thuốc nhuộm, nước cất.
C. Kính hiển vi, thìa inox, giấy thấm, kính lúp, nước cất.
D. Dao nhọn, giấy khô A4.

Câu 5: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.
B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.
C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.
D. Đọc kỹ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Câu 6: Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô. B. Cây cầu. C. Cây keo. D. Ngôi nhà.

Câu 7: Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào trứng cá. B. Tế bào vảy hành. C. Tế bào mô giậu. D. Tế bào vi khuẩn.

Câu 8: Mèo con lớn lên nhờ quá trình nào?

- A. Sinh trưởng của tế bào. B. Sinh trưởng và sinh sản của tế bào.
C. Sinh sản của tế bào. D. Thay mới của tế bào.

Câu 9: Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?

- A. Mét (m) B. Kilômét (km)
C. Centimét (cm) D. Đềximét (dm)

Câu 10: Để đo chiều dài của cánh cửa lớp học, người ta thường sử dụng

- A. thước dây B. thước kẻ
C. thước kẹp D. thước cuộn

Câu 11: Dụng cụ nào sau đây không dùng để đo khối lượng?

- A. Cân y tế. B. Cân điện tử.

C. Cân đồng hồ.

D. Cân bằng.

Câu 12: Cách đổi thời gian nào sau đây là đúng?

A. 1 ngày = 24 giờ

B. 1 giờ = 600 giây

C. 1 phút = 24 giây

D. 1 giây = 0,1 phút

Câu 13: Người ta sử dụng dụng cụ nào để đo nhiệt độ?

A. Nhiệt kế

B. Tốc kế

C. Cân

D. Đồng hồ

Câu 14: Trong thang nhiệt độ Xen – xi – út, nhiệt độ nước đá đang tan là bao nhiêu?

A. 100°C

B. 0°C

C. 273°K

D. 373°K

Câu 15: Phát biểu nào sau đây là không đúng?

A. Lực chỉ có tác dụng làm vật biến đổi chuyển động.

B. Tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác gọi là lực.

C. Lực được phân thành: lực không tiếp xúc và lực tiếp xúc.

D. Lực có thể vừa làm cho vật biến dạng vừa làm cho vật biến đổi chuyển động.

Câu 16: Quả táo bị rơi xuống đất do chịu tác dụng của lực có đặc điểm

A. phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên.

B. phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.

C. phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải.

D. phương nằm ngang, chiều từ trên xuống dưới.

B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 17: (1,0đ) Em hãy phân biệt tế bào động vật và tế bào thực vật.

Câu 18: (1,0đ) Vì sao rau củ và thịt cùng được bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh, khi rã đông rau củ bị dập nát còn thịt vẫn bình thường? Từ đó em hãy đưa ra cách bảo quản thực phẩm phù hợp.

Câu 19: (1,0đ) Trình bày cách bảo quản kính hiển vi quang học.

Câu 20: (1,5đ)

a/ Muốn sử dụng cân đồng hồ cho kết quả đo chính xác ta cần thực hiện các thao nào? (0,75đ)

b/ Nêu ưu điểm của nhiệt kế thủy ngân? (0,75đ)

Câu 21: (1,5đ) Một người đẩy một thùng hàng với lực 20 N theo phương ngang. Hãy biểu diễn lực đó trên hình vẽ (tỉ xích 1 cm ứng với 5N). Nêu điểm đặt, phương, chiều và độ lớn của lực?

MD02

A. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Hãy chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất và ghi vào bảng điền kết quả ở phần bài làm.

Câu 1: Vật nào sau đây là vật *không* sống?

A. Quả cà chua ở trên cây

B. Con mèo

C. Vi khuẩn

D. Than củi

Câu 2: Một loại tế bào cứ sau 4 giờ sẽ phân chia một lần. Ban đầu có 3 tế bào. Hỏi sau 1 ngày (24 giờ), số tế bào con tạo ra là bao nhiêu?

A. 96 tế bào con.

B. 192 tế bào con.

C. 384 tế bào con.

D. 120 tế bào con.

Câu 3: Biển báo dưới đây có ý nghĩa gì?



A. Cắm uống nước. B. Cắm lửa. C. Chết độc sinh học. D. Chết ăn mòn.

Câu 4: Vì sao người ta chỉ tách nhẹ lớp màng mỏng của vảy hành để quan sát tế bào biểu bì hành tây?

- A. Hạn chế các loại tế bào xếp chồng lên nhau, khó quan sát trên kính hiển vi.
- B. Tế bào biểu bì tập trung ít ở lớp màng này.
- C. Kính hiển vi chỉ quan sát được các vật có độ mỏng cao.
- D. Khó làm tiêu bản.

Câu 5: Hoạt động nào sau đây *không* thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.
- B. Không ăn uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm.
- C. Để hóa chất không đúng nơi quy định sau khi làm xong thí nghiệm.
- D. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.

Câu 6: Tế bào không cấu tạo nên vật nào sau đây?

- A. Chiếc lá. B. Bông hoa. C. Con cá. D. Con dao.

Câu 7: Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào tinh trùng B. Tế bào cơ. C. Tế bào trứng ếch. D. Tế bào thần kinh.

Câu 8: Cây lớn lên nhờ

- A. sự lớn lên và phân chia của tế bào.
- B. sự tăng kích thước của nhân tế bào.
- C. nhiều tế bào được sinh ra từ một tế bào ban đầu.
- D. các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào ban đầu.

Câu 1: Người ta thường sử dụng dụng cụ nào sau đây để đo chiều dài của vật?

- A. Thước thẳng, thước dây, thước đo độ B. Thước kẹp, thước cuộn, thước dây
- C. Compax, thước mét, thước đo độ D. Thước kẹp, thước thẳng, compax

Câu 2: Để đo thể tích người ta thường sử dụng dụng cụ nào?

- A. Bình tràn B. Bình chia độ
- C. Bình chứa D. Bình chứa và bình chia độ.

Câu 3: Đơn vị nào sau đây không phải là đơn vị khối lượng?

- A. Milimét. B. Miligam.
- C. Kilôgam D. Héc-tôgam.

Câu 4: Cách đổi thời gian nào sau đây là **sai**?

- A. 1 giây = 0,1 phút B. 1 giờ = 3600 giây
- C. 1 phút = 60 giây D. 1 giờ = 60 phút

Câu 5: Để đo nhiệt độ rượu người ta nên dùng nhiệt kế nào?

- A. Nhiệt kế điện tử B. Nhiệt kế y tế
- C. Nhiệt kế rượu D. Nhiệt kế đổi màu

Câu 6: Trong thang nhiệt độ Fa – ren - hai, nhiệt độ nước đang sôi là bao nhiêu?

- A. 32⁰F B. 212⁰F
- C. 100⁰C D. 373⁰K

Câu 7: Phát biểu nào sau đây là phát biểu **đúng**?

- A. Lực là nguyên nhân làm thay đổi chuyển động của vật.
- B. Lực là nguyên nhân gây ra chuyển động của vật.
- C. Lực chỉ có thể làm vật thay đổi chuyển động.
- D. Lực là nguyên nhân làm thay đổi chuyển động và gây ra chuyển động của vật

Câu 8: Lực của tay người bắn cung tác dụng lên dây cung có đặc điểm

- A. phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên.
- B. phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới.
- C. phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái.
- D. phương nằm ngang, chiều từ trên xuống dưới.

B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 17: (1,0đ) Em hãy phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

Câu 18: (1,0đ) Vì sao rau củ và thịt cùng được bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh, khi rã đông rau củ bị dập nát còn thịt vẫn bình thường? Từ đó em hãy đưa ra cách bảo quản thực phẩm phù hợp.

Câu 19: (1,0đ) Trình bày cách sử dụng kính hiển vi quang học.

Câu 20: (1,5đ)

a/ Muốn sử dụng cân điện tử hiệu quả nhất thì chúng ta cần thực hiện các thao nào? (0,75đ)

b/ Nêu nhược điểm của nhiệt kế thủy ngân. (0,75đ)

Câu 21: (1,5đ) Một người đẩy một cái bàn với lực 60 N theo phương ngang. Hãy biểu diễn lực đó trên hình vẽ (tỉ xích 1 cm ứng với 20N). Nêu điểm đặt, phương, chiều và độ lớn của lực?

V. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

MD01

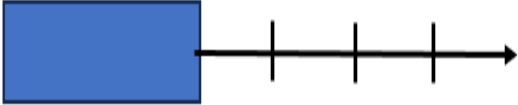
A. TRẮC NGHIỆM: (4,0đ)

Mỗi câu chọn đúng (0,25đ). Nếu 1 câu khoanh vào 2 đáp án thì không có điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐÁP ÁN	B	A	A	C	D	C	A	B
CÂU	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐÁP ÁN	A	D	D	A	A	B	A	B

B. TỰ LUẬN: (6,0đ)

Câu	Nội dung	Điểm												
Câu 17 (1,0đ)	* Giống nhau: - Điều là TB nhân thực. - Điều có màng TB, TB chất, nhân, các bào quan như ti thể, mạng lưới nội chất, ... * Khác nhau:	0,2 0,2												
	<table><tr><th>Thành phần</th><th>Tế bào động vật</th><th>Tế bào thực vật</th></tr><tr><td>Thành tế bào</td><td>Không có</td><td>Có, giữ hình dạng tế bào được ổn định</td></tr><tr><td>Không bào</td><td>Nhỏ, chỉ có ở 1 số ĐV đơn bào</td><td>To, nằm ở trung tâm</td></tr><tr><td>Lục lạp</td><td>Không có</td><td>Có lục lạp</td></tr></table>	Thành phần	Tế bào động vật	Tế bào thực vật	Thành tế bào	Không có	Có, giữ hình dạng tế bào được ổn định	Không bào	Nhỏ, chỉ có ở 1 số ĐV đơn bào	To, nằm ở trung tâm	Lục lạp	Không có	Có lục lạp	0,2 0,2
	Thành phần	Tế bào động vật	Tế bào thực vật											
	Thành tế bào	Không có	Có, giữ hình dạng tế bào được ổn định											
	Không bào	Nhỏ, chỉ có ở 1 số ĐV đơn bào	To, nằm ở trung tâm											
Lục lạp	Không có	Có lục lạp												
Câu 18 (1,0đ)	Khi bảo quản rau củ trong ngăn đá, nước trong tế bào đông cứng, dẫn nở phá vỡ cấu trúc thành tế bào dẫn đến tế bào thực vật không còn nguyên hình dạng. Còn thịt, cấu tạo tế bào động vật không có thành tế bào nên không xảy ra hiện tượng đó.	0,5												
	Chỉ nên bảo quản thịt, cá trong ngăn đá; rau nên bảo quản ở ngăn mát.	0,5												
Câu 19	Cách bảo quản kính hiển vi quang học. - Khi di chuyển kính thì 1 tay cầm vào thân kính, tay kia đỡ chân đế của kính.	0,25												

(1,0đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Để kính trên bề mặt phẳng. - Không chạm tay ướt hoặc bẩn lên kính hiển vi. - Lau thị kính và vật kính bằng giấy chuyên dụng trước và sau khi dùng. 	0,25 0,25 0,25
Câu 20a (0,75đ)	Cách đo khối lượng bằng cân đồng hồ: <ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng khối lượng của vật cần đo để chọn cân có GHĐ và ĐCNN thích hợp. - Vặn ốc điều chỉnh để kim cân chỉ đúng vạch số 0 và đặt vật cần cân lên đĩa cân. - Mắt nhìn vuông góc với vạch chia trên mặt cân ở đầu kim cân và đọc rồi ghi kết quả đo. 	0,25 0,25 0,25
b (0,75đ)	<ul style="list-style-type: none"> • Ưu điểm <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả phải chăng nên tiết kiệm chi phí hơn cho người dùng thay vì nhiệt kế điện tử. - Cấu tạo nhiệt kế thủy ngân khá đơn giản nên dễ thao tác và sử dụng. Nó được xem là thiết bị khá tiện lợi có thể dùng trong gia đình và bệnh viện. - Cho kết quả có độ chính xác cao không kém nhiệt kế điện tử khi được sử dụng đúng cách. Có thể sử dụng để đo liên tục cho nhiều người 	0,25 0,25 0,25
Câu 21 (1,5đ)	<div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> • Vẽ hình • Nêu điểm đặt, phương, chiều và độ lớn của lực: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đặt: tại mép vật Góc tại vị trí tay đẩy thùng hàng. - Phương: nằm ngang - Chiều: từ trái sang phải - Độ lớn: 20N (mũi tên dài 4 cm). 	0,5 0,25 0,25 0,25 0,25

MD02

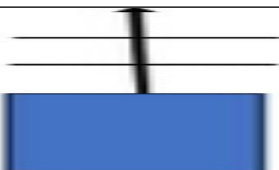
A. TRẮC NGHIỆM: (4,0đ)

Mỗi câu chọn đúng (0,25đ). Nếu 1 câu khoanh vào 2 đáp án thì không có điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐÁP ÁN	D	B	A	A	C	D	C	A
CÂU	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐÁP ÁN	B	B	A	A	C	B	D	C

B. TỰ LUẬN: (6,0đ)

Câu	Nội dung			Điểm
Câu 17 (1,0đ)	* Giống nhau: Đều có màng TB, TB chất, nhân hoặc vùng nhân * Khác nhau:			0,25
	Thành phần	Tế bào nhân sơ (Tế bào vi khuẩn)	Tế bào nhân thực (Tế bào động vật, thực vật)	
	Tế bào chất	Không có hệ thống nội màng, các bào quan	Có hệ thống nội màng, các bào quan có màng bao bọc, có nhiều	0,5

	không có màng bao bọc, chỉ có một bào quan duy nhất là Ribosome	bào quan khác nhau như ti thể, lưới nội chất,...	
	Nhân	Chưa hoàn chỉnh: không có màng nhân	Hoàn chỉnh: có màng nhân
			0,25
Câu 18 (1,0đ)	- Khi bảo quản rau củ trong ngăn đá, nước trong tế bào đông cứng, dẫn nở phá vỡ cấu trúc thành tế bào dẫn đến tế bào thực vật không còn nguyên hình dạng. Còn thịt, cấu tạo tế bào động vật không có thành tế bào nên không xảy ra hiện tượng đó. - Chỉ nên bảo quản thịt, cá trong ngăn đá; rau nên bảo quản ở ngăn mát.		0,5 0,5
Câu 19 (1,0đ)	Cách sử dụng kính hiển vi quang học. B1: Chọn vật kính thích hợp theo mục đích quan sát. B2: Điều chỉnh ánh sáng cho thích hợp. B3: Đặt tiêu bản lên bàn kính, dùng kẹp để giữ tiêu bản. Vận ốc to theo chiều kim đồng hồ để hạ vật kính gần sát vào tiêu bản. B4: Mắt nhìn vào thị kính, vận ốc to theo chiều ngược lại để đưa vật kính lên từ từ, đến khi nhìn thấy vật cần quan sát. B5: Vận ốc nhỏ thật chậm, đến khi nhìn thấy vật mẫu thật rõ nét.		0,2 0,2 0,2 0,2 0,2
Câu 20a (0,75đ)	Cách dùng cân điện tử: - Ước lượng khối lượng cần đo để chọn đơn vị thích hợp (nhấn nút “UNITS” – chọn g, kg...). - Đặt mẫu vật cần cân nhẹ nhàng trên đĩa cân (nhấn nút “TARE” để cân tự động khấu trừ khối lượng vật cần chứa). - Sử dụng kẹp hoặc găng tay để đặt bình đựng hoá chất/dụng cụ đựng mẫu vật lên đĩa cân, bàn cân		0,25 0,25 0,25
b (0,75đ)	<ul style="list-style-type: none"> Nhược điểm - Thời gian cho kết quả lâu từ 3 - 5 phút, nếu đo cho trẻ nhỏ có thể khiến trẻ quấy khóc và khó giữ im một chỗ. - Vạch hiển thị kết quả thường nhỏ, dễ bị mờ; Nhiệt kế thủy ngân có cấu tạo đơn giản nên không có những chức năng hiện đại như cảnh báo sốt cao. - Cần phải sử dụng đúng cách để cho kết quả chính xác nhất vì sử dụng sai sẽ khiến kết quả bị sai lệch; Có nguy cơ bị vỡ rất cao, khi vỡ làm bay hơi thủy ngân rất độc và nguy hiểm.		0,25 0,25 0,25
Câu 21 (1,5đ)	 <ul style="list-style-type: none"> Vẽ hình Nêu điểm đặt, phương, chiều và độ lớn của lực: <ul style="list-style-type: none"> Điểm đặt: tại mép vật Góc tại vị trí tay đẩy cái bàn. Phương: nằm ngang, Chiều: từ trái sang phải Độ lớn: 60N (mũi tên dài 3 cm). 		0,5 0,25 0,25 0,25 0,25

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHO HSKT

MD01**A. TRẮC NGHIỆM: (5,6đ)**

Chỉ yêu cầu HSKT trả lời 14 câu (1,3,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16)

Mỗi câu chọn đúng (0,4đ). Nếu 1 câu khoanh vào 2 đáp án thì không có điểm.

CÂU	1	3	5	6	7	8		
ĐÁP ÁN	B	A	D	C	A	B		
CÂU	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐÁP ÁN	A	D	D	A	A	B	A	B

B. TỰ LUẬN: (4,4đ)

Chỉ yêu cầu HSKT trả lời 3 câu (17,19,20a)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 17 (1,5đ)	* Giống nhau: - Đều là TB nhân thực.	0,5
	* Khác nhau: - TB thực vật có lục lạp, thành tế bào còn TB động vật không có	1,0
Câu 19 (1,5đ)	Cách bảo quản kính hiển vi quang học.	0,5
	- Khi di chuyển kính thì 1 tay cầm vào thân kính, tay kia đỡ chân đế của kính.	0,25
	- Đặt kính trên bề mặt phẳng.	0,25
	- Không chạm tay ướt hoặc bẩn lên kính hiển vi.	0,5
Câu 20a (1,4đ)	Cách đo khối lượng bằng cân đồng hồ:	
	- Ước lượng khối lượng của vật cần đo để chọn cân có GHĐ và ĐCNN thích hợp.	0,5
	- Vận ốc điều chỉnh để kim cân chỉ đúng vạch số 0 và đặt vật cần cân lên đĩa cân.	0,5
	- Mắt nhìn vuông góc với vạch chia trên mặt cân ở đầu kim cân và đọc rồi ghi kết quả đo.	0,4

MD02**A. TRẮC NGHIỆM: (5,6đ)**

Chỉ yêu cầu HSKT trả lời 14 câu (1,3,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16)

Mỗi câu chọn đúng (0,4đ). Nếu 1 câu khoanh vào 2 đáp án thì không có điểm.

CÂU	1	3	5	6	7	8		
ĐÁP ÁN	D	A	C	D	C	A		
CÂU	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐÁP ÁN	B	B	A	A	C	B	D	C

B. TỰ LUẬN: (4,4đ)

Chỉ yêu cầu HSKT trả lời 3 câu (17,19,20a)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 17 (1,5đ)	* Giống nhau: Đều có màng TB, TB chất, nhân hoặc vùng nhân	0,5
	* Khác nhau: - Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh (không có màng nhân) còn tế bào nhân thực đã có nhân hoàn chỉnh (có màng nhân).	1,0

Câu 19 (1,5đ)	<p>Cách sử dụng kính hiển vi quang học:</p> <p>B1: Chọn vật kính thích hợp</p> <p>B2: Điều chỉnh ánh sáng thích hợp.</p> <p>B3: Đặt tiêu bản lên bàn kính, dùng kẹp để giữ tiêu bản. Vận ốc to theo chiều kim đồng hồ để hạ vật kính gần sát vào tiêu bản.</p> <p>B4: Mắt nhìn vào thị kính, vận ốc to theo chiều ngược lại để đưa vật kính lên từ từ, đến khi nhìn thấy vật cần quan sát.</p> <p>B5: Vận ốc nhỏ thật chậm, đến khi nhìn thấy vật mẫu thật rõ nét.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 20a (1,4đ)	<p>Cách dùng cân điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng khối lượng cần đo để chọn đơn vị thích hợp (nhấn nút “UNITS” – chọn g, kg...). - Đặt mẫu vật cần cân nhẹ nhàng trên đĩa cân (nhấn nút “TARE” để cân tự động khấu trừ khối lượng vật cần chứa). - Sử dụng kẹp hoặc găng tay để đặt bình đựng hoá chất/dụng cụ đựng mẫu vật lên đĩa cân, bàn cân 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,4</p>